



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

MILINDAPAÑHAPĀḶI

&

MILINDA VẤN ĐẠO

3. DEVADATTAPABBAJJĀPAÑHO

1. “Bhante nāgasena, devadatto kena pabbājito ”ti?

“Chayime mahārāja khattiyakumārā bhaddiyo ca anuruddho ca ānando ca bhagu ca kimbilo¹ ca devadatto ca upālikappakasattamo abhisambuddhe satthari sakyakulānandajanane bhagavantam anupabbajantā nikkhamimsu. Te bhagavā pabbājesī ”ti.

“Nanu bhante devadattena pabbajitvā saṅgho bhinno ”ti?

“Āma mahārāja, devadattena pabbajitvā saṅgho bhinno. Na gihī saṅgham bhindati, na bhikkhuṇī, na sikkhamānā, na sāmaṇero, na sāmaṇerī saṅgham bhindati. Bhikkhu pakatatto samānasamvāsako samānasīmāyam t̥hito saṅgham bhindatī ”ti.

2. “Saṅghabhedako bhante puggalo kiṃ kammaṃ phusatī ”ti?

“Kappaṭṭhitikaṃ mahārāja kammaṃ phusatī ”ti.

“Kimpana bhante nāgasena buddho jānāti ‘devadatto pabbajitvā saṅgham bhindissati, saṅgham bhinditvā kammaṃ niraye paccissatī ’”ti?

“Āma mahārāja, tathāgato jānāti ‘devadatto pabbajitvā saṅgham bhindissati, saṅgham bhinditvā kammaṃ niraye paccissatī ”ti.

“Yadi bhante nāgasena buddho jānāti ‘devadatto pabbajitvā saṅgham bhindissati, saṅgham bhinditvā kammaṃ niraye paccissatī ’ti, tena hi bhante nāgasena, ‘buddho kāruṇiko anukampako hitesī sabbasattānaṃ ahitamapanetvā hitamūpadahatī ’ti yaṃ vacanaṃ, tammicchā. Yadi taṃ ajānitvā pabbājesi, tena hi buddho asabbaññū. Ayampi ubhatokoṭiko pañho tavānupatto vijāṭehi etaṃ mahājaṭam. Bhinda parappavādam. Anāgate addhāne tayā sadisā buddhimanto bhikkhū dullabhā bhavissanti. Ettha tava balaṃ pakāsehī ”ti.

¹ kimilo - Ma.

3. CÂU HỎI VỀ SỰ XUẤT GIA CỦA DEVADATTA

1. “Thưa ngài Nāgasena, do vị nào mà Devadatta đã được xuất gia?”

“Tâu đại vương, sáu vương tử dòng Sát-đế-ly này là Bhaddiya, Anuruddha, Ānanda, Bhagu, Kimbila, Devadatta, và người thợ cạo Upāli là thứ bảy. Khi bậc Đạo Sư đã đắc thành Chánh Đẳng Giác, trong việc đem lại nỗi vui mừng cho dòng họ Sakya những vị ấy đã ra đi xuất gia theo đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã cho những vị ấy xuất gia.”

“Thưa ngài, có phải Devadatta sau khi xuất gia đã chia rẽ hội chúng?”

“Tâu đại vương, đúng vậy. Devadatta sau khi xuất gia đã chia rẽ hội chúng. Không phải người tại gia chia rẽ hội chúng, không phải tỳ khưu ni, không phải vị ni tu tập sự, không phải vị sa di, không phải vị sa di ni chia rẽ hội chúng. Vị tỳ khưu bình thường, cùng chung sự đồng cộng trú, đứng cùng chung ranh giới, chia rẽ hội chúng.”

2. “Thưa ngài, người là kẻ chia rẽ hội chúng phạm vào nghiệp gì?”

“Tâu đại vương, phạm vào nghiệp liên quan đến việc chịu đựng một kiếp.”

“Thưa ngài Nāgasena, vậy có phải đức Phật biết rằng: ‘Devadatta sau khi xuất gia sẽ chia rẽ hội chúng, sau khi chia rẽ hội chúng thì sẽ bị nung nấu ở địa ngục một kiếp?’”

“Tâu đại vương, đúng vậy. Đức Như Lai biết rằng: ‘Devadatta sau khi xuất gia sẽ chia rẽ hội chúng, sau khi chia rẽ hội chúng thì sẽ bị nung nấu ở địa ngục một kiếp.’”

“Thưa ngài Nāgasena, nếu đức Phật biết rằng: ‘Devadatta sau khi xuất gia sẽ chia rẽ hội chúng, sau khi chia rẽ hội chúng thì sẽ bị nung nấu ở địa ngục một kiếp,’ thưa ngài Nāgasena, như thế thì điều nói rằng: ‘Đức Phật, đấng Bi Mẫn, bậc Thương Xót, vị tâm cầu lợi ích, sau khi xua đi điều bất lợi thì đem đến điều lợi ích cho tất cả chúng sanh’ là sai trái. Nếu Ngài không biết điều ấy rồi đã cho xuất gia, như thế thì đức Phật là không Toàn Tri. Câu hỏi này có cả hai khía cạnh, được dành cho ngài, xin ngài hãy tháo gỡ mối rối to lớn này, hãy đánh đổ học thuyết của những kẻ khác. Trong ngày vị lai xa xăm những vị tỳ khưu có sự giác ngộ tương đương ngài sẽ khó đạt được. Trong trường hợp này, xin ngài hãy bày tỏ năng lực của ngài.”

“Kāruṇiko mahārāja bhagavā sabbaññū ca. Kāruṇṇena mahārāja bhagavā sabbaññutaññaṇena devadattassa gatiṃ olokeno addasa ‘devadattaṃ aparāpariyakammaṃ¹ āyūhitvā anekāni kappakoṭisatasahassāni nirayena nirayaṃ vinipātena vinipātaṃ gacchantam. Taṃ bhagavā sabbaññutaññaṇena jānitvā ‘imassa aparīyantakataṃ kammaṃ mama sāsane pabbajitassa pariyaṅtakataṃ bhavissati. Purimaṃ upādāya pariyaṅtakataṃ dukkhaṃ bhavissati. Apabbajito ‘pi ayaṃ moghapuriso kappatṭhiyameva kammaṃ āyūhissati ‘ti kāruṇṇena devadattaṃ pabbājesi”ti.

“Tena hi bhante nāgasena buddho vadhitvā telena makkheti, papāte pātetvā hatthaṃ deti, māretvā jīvitaṃ pariyesati. Yaṃ so paṭhamaṃ dukkhaṃ datvā pacchā sukhaṃ upadahati”ti.

“Vadhethi ‘pi mahārāja tathāgato sattānaṃ hitavasena, pātetī ‘pi sattānaṃ hitavasena, māretī ‘pi sattānaṃ hitavasena. Vadhitvā ‘pi mahārāja tathāgato sattānaṃ hitameva upadahati. Pātetvā ‘pi sattānaṃ hitameva upadahati. Māretvā ‘pi sattānaṃ hitameva upadahati. Yathā mahārāja mātāpitaro nāma vadhitvā ‘pi pātayitvā ‘pi puttānaṃ hitameva upadahanti, evameva kho mahārāja tathāgato vadhetī ‘pi sattānaṃ hitavasena, pātetī ‘pi sattānaṃ hitavasena, māretī ‘pi sattānaṃ hitavasena. Vadhitvā ‘pi mahārāja tathāgato sattānaṃ hitameva upadahati pātetvā ‘pi sattānaṃ hitameva upadahati māretvā ‘pi sattānaṃ hitameva upadahati. Yena yena yogena sattānaṃ guṇavaḍḍhi hoti, tena tena yogena sabbasattānaṃ hitameva upadahati. Sace mahārāja devadattaṃ na pabbājeyya,² gihībhūto samāno nirayaṃvattikaṃ bahuṃ pāpakammaṃ katvā anekāni kappakoṭisatasahassāni nirayena nirayaṃ vinipātena vinipātaṃ gacchanto bahuṃ dukkhaṃ vediyissati. Taṃ bhagavā jānamāno kāruṇṇena devadattaṃ pabbājesi ‘mama sāsane pabbajitassa dukkhaṃ pariyaṅtakataṃ bhavissati ‘ti. Kāruṇṇena garukaṃ dukkhaṃ lahukaṃ akāsi.

Yathā vā mahārāja dhana-yasa-siri-ñāti-balena balavā puriso attano ñātiṃ vā mittam vā rañña³ garukaṃ daṇḍam dhārentam disvā⁴ attano bahuvissatthabhāvena samatthātāya tassa garukaṃ daṇḍam lahukaṃ kāreti,⁵ evameva kho mahārāja bhagavā bahūni kappakoṭisatasahassāni dukkhaṃ vediyamānaṃ devadattaṃ pabbājetvā silasamādhīpaññāvīmuttibala-samatthabhāvena garukaṃ dukkhaṃ lahukaṃ akāsi.

¹ āpāyikaṃ kammaṃ - Ma.

² devadatto na pabbājeyya - Ma; devadatto na pabbajeyya - PTS.

³ rañña - Ma, PTS.

⁴ disvā - itisaddo Ma, PTS potthakesu na dissate.

⁵ akāsi - Ma.

“Tâu đại vương, đức Thế Tôn là bậc Đại Bi và là đấng Toàn Tri. Tâu đại vương, đức Thế Tôn, trong lúc xem xét cảnh giới tái sinh của Devadatta với lòng bi mẫn và trí Toàn Tri, đã nhìn thấy Devadatta sau khi tích lũy nghiệp đưa đến trôi nổi luân hồi từ địa ngục đến địa ngục, từ đọa xứ đến đọa xứ trong nhiều trăm ngàn *koṭi* kiếp. Đức Thế Tôn, sau khi biết được điều ấy bằng trí Toàn Tri rằng: ‘Nghiệp đã được làm không có giới hạn của người này, nếu được xuất gia trong Giáo Pháp của Ta, sẽ trở thành có giới hạn. Khổ liên quan đến việc trước sẽ trở thành có giới hạn. Còn không được xuất gia thì kẻ rồ dại này sẽ tích lũy nghiệp kéo dài trọn kiếp,’ vì lòng bi mẫn Ngài đã cho Devadatta xuất gia.”

“Thưa ngài Nāgasena, như thế thì đức Phật gây tổn thương rồi thoa dầu, làm rơi xuống vực thẳm rồi đưa tay (kéo lên), làm cho chết rồi tìm kiếm mạng sống, là việc Ngài ban cho sự khổ đau trước rồi đem lại sự an lạc sau.”

“Tâu đại vương, đức Như Lai đâu có gây tổn thương cũng vì lợi ích cho chúng sanh, đâu có làm rơi xuống cũng vì lợi ích cho chúng sanh, đâu có làm cho chết cũng vì lợi ích cho chúng sanh. Tâu đại vương, đức Như Lai gây tổn thương rồi đem lại lợi ích cho chúng sanh, làm rơi xuống rồi đem lại lợi ích cho chúng sanh, làm cho chết rồi đem lại lợi ích cho chúng sanh. Tâu đại vương, giống như mẹ cha gây tổn thương, làm rơi xuống, rồi đem lại lợi ích cho những người con, tâu đại vương, tương tự y như thế đức Như Lai gây tổn thương cũng vì lợi ích cho chúng sanh, làm rơi xuống cũng vì lợi ích cho chúng sanh, làm cho chết cũng vì lợi ích cho chúng sanh. Tâu đại vương, đức Như Lai gây tổn thương rồi đem lại lợi ích cho chúng sanh, làm rơi xuống rồi đem lại lợi ích cho chúng sanh, làm cho chết rồi đem lại lợi ích cho chúng sanh. Với bất cứ cách thức nào có sự tăng trưởng các đức hạnh cho chúng sanh thì Ngài đem lại lợi ích cho tất cả chúng sanh bằng cách thức ấy. Tâu đại vương, nếu đức Như Lai không cho Devadatta xuất gia thì Devadatta trong khi là người tại gia sẽ làm nhiều nghiệp ác dẫn đến địa ngục, trong khi trôi nổi từ địa ngục đến địa ngục, từ đọa xứ đến đọa xứ trong nhiều trăm ngàn *koṭi* kiếp sẽ cảm thọ nhiều khổ đau. Đức Thế Tôn, trong khi biết được điều ấy, vì lòng bi mẫn đã cho Devadatta xuất gia (nghĩ rằng): ‘Đối với người đã được xuất gia trong Giáo Pháp của Ta thì khổ đau sẽ trở thành có giới hạn.’ Vì lòng bi mẫn mà Ngài đã làm vơi nhẹ nỗi khổ đau trầm trọng.”

Tâu đại vương, hơn nữa giống như người đàn ông có năng lực, nhờ vào năng lực về tài sản, tiếng tăm, danh vọng, và sự thân thiết, sau khi nhìn thấy bà con hoặc bạn bè của mình đang chịu hình phạt nặng nề của đức vua, liền làm vơi nhẹ nỗi khổ đau trầm trọng của người ấy nhờ vào điều kiện có nhiều sự thân thiết và khả năng của bản thân, tâu đại vương tương tự như thế ấy đức Thế Tôn sau khi cho Devadatta—là người sẽ bị cảm thọ khổ đau nhiều trăm ngàn *koṭi* kiếp—xuất gia đã làm vơi nhẹ nỗi khổ đau trầm trọng nhờ vào điều kiện về năng lực và khả năng của giới định tuệ và giải thoát.

Yathā vā pana mahārāja kusalo bhisakko sallakatto garukaṃ vyādhiṃ¹ balavosadhabalena lahukaṃ karoti, evameva kho mahārāja bahūni kappakoṭisatasahassāni dukkhaṃ vediyamānaṃ devadattaṃ bhagavā yogaññutāya² pabbājetvā kāruññabalo patthaddhadhammosadhabalena garukaṃ dukkhaṃ lahukaṃ akāsi. Api nu kho so mahārāja bhagavā bahuvedaniyaṃ devadattaṃ appavedaniyaṃ karonto kiñci apuññaṃ āpajjeyyā ”ti?

“Na kiñci bhante apuññaṃ āpajjeyya antamaso gaddūhanamattampī ”ti.

“Idampi³ kho tvaṃ mahārāja kāraṇaṃ atthato sampaticcha, yena kāraṇena bhagavā devadattaṃ pabbājesi.

Aparampi mahārāja uttarim kāraṇaṃ suṇohi, yena kāraṇena bhagavā devadattaṃ pabbājesi. Yathā mahārāja coraṃ āgucārim gahetvā rañño dasseyyūṃ: ‘Ayaṃ te deva⁴ cora āgucārī imassa yaṃ icchasi taṃ daṇḍaṃ paṇehi ’ti, tamenam rājā evaṃ vadeyya: ‘Tena hi bhāṇe imaṃ coraṃ bahinagaraṃ nīharitvā āghātane sīsaṃ chindathā ’ti. ‘Evaṃ devā ’ti kho te rañño paṭissutvā taṃ bahinagaraṃ nīharitvā āghātanaṃ nayeyyūṃ. Tamenam passeyya kocideva puriso rañño santikā laddhavarō laddhayasādhanabhogo ādeyyavacano balavicchitakārī. So tassa kāruññaṃ katvā te purise evaṃ vadeyya: ‘Alaṃ bho! Kiṃ tumhākaṃ imassa sīsacchedanena? Tena hi bho imassa hatthaṃ vā pādaṃ vā chinditvā jīvitaṃ rakkhatha. Ahametassa kāraṇā rañño santike paṭivacanaṃ karissāmī ’ti. Te tassa balavato vacanena tassa corassa hatthaṃ vā pādaṃ vā chinditvā jīvitaṃ rakkheyūṃ. Api nu kho so mahārāja puriso evaṃkārī tassa corassa kiccakārī assā ”ti?

“Jīvitadāyako so bhante puriso corassa jīvite dinne kiṃ tassa akataṃ nāma atthī ”ti?

“Yā pana tassa⁵ hatthapādacchedane vedanā, so tāya vedanāya kiñci apuññaṃ āpajjeyyā ”ti?

“Attanā⁶ katena so bhante cora dukkhaṃ vedanaṃ⁷ vediyati. Jīvitadāyako pana puriso na kiñci apuññaṃ āpajjeyyā ”ti.

¹ rogaṃ - Ma.

² rogaññutāya - Ma.

³ imampi - Ma, PTS.

⁴ ayaṃ kho deva - Ma.

⁵ tassa - itisaddo Machasaṃ potthake na dissate.

⁶ attano - Ma.

⁷ dukkhavedanaṃ - Ma.

Tâu đại vương, hơn nữa giống như người thầy thuốc phẫu thuật thiện xảo nhờ vào năng lực của phương thuốc mạnh làm vơi nhẹ căn bệnh trầm trọng, tâu đại vương tương tự như thế ấy đức Thế Tôn, là vị có năng lực về lòng bi mẫn, với sự hiểu biết về tu tập, sau khi cho Devadatta—là người sẽ bị cảm thọ khổ đau nhiều trăm ngàn *koṭi* kiếp—xuất gia đã làm vơi nhẹ nỗi khổ đau trầm trọng nhờ vào năng lực của phương thuốc cứng rắn của Giáo Pháp. Tâu đại vương, phải chăng đức Thế Tôn ấy, trong khi làm cho Devadatta đáng lẽ bị nhiều cảm thọ (khổ) chỉ còn ít cảm thọ (khổ), lại tạo ra điều vô phước nào đó?”

“Thưa ngài, không tạo ra điều vô phước nào, đâu chỉ là chút ít khuấy động.”

“Tâu đại vương, ngài hãy chấp nhận lý do này theo ý nghĩa mà với lý do ấy đức Thế Tôn đã cho Devadatta xuất gia.

Tâu đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do này đức Thế Tôn đã cho Devadatta xuất gia. Tâu đại vương, giống như những người bắt được kẻ trộm phạm tội thì trình lên đức vua rằng: ‘Tâu bệ hạ, kẻ trộm phạm tội này là thuộc về bệ hạ. Đối với kẻ này, xin bệ hạ hãy ra lệnh hành phạt mà bệ hạ muốn. Đứa vua có thể nói về kẻ ấy như vậy: ‘Này các khanh, như thế thì hãy đưa kẻ trộm này ra ngoại thành rồi chém đầu ở bãi hành quyết.’ ‘Tâu bệ hạ, xin vâng.’ Vâng lệnh đức vua, những người ấy đã đưa kẻ ấy ra ngoại thành rồi dẫn đến bãi hành quyết. Một người đàn ông nào đó, là người đã đạt được ân huệ từ đức vua, đã đạt được danh tiếng, tài sản, của cải, có lời nói được chấp nhận, có năng lực, có hành động theo ý thích, nhìn thấy kẻ ấy. Người ấy, khởi tâm bi mẫn đến kẻ trộm ấy, nên đã nói với những người ấy như vậy: ‘Này các ông, thôi đi. Các ông được gì với việc chặt đầu của người này? Này các ông, chính vì điều ấy các ông hãy chặt tay hoặc bàn chân của người này và hãy duy trì mạng sống cho gã. Ta sẽ trình tâu đến đức vua lý do của việc này.’ Những người ấy, do lời nói của người có năng lực ấy, có thể chặt tay hoặc bàn chân của kẻ trộm ấy và duy trì mạng sống cho gã. Tâu đại vương, phải chăng người đàn ông ấy, với hành động như vậy, là có thể hiện trách nhiệm đối với kẻ trộm ấy?”

“Thưa ngài, người đàn ông ấy là người ban cho mạng sống đến kẻ trộm. Khi mạng sống đã được ban đến gã, thì có điều gì gọi là đã không được làm cho kẻ ấy?”

“Tuy nhiên, về cảm thọ trong việc chặt tay chân của kẻ ấy, không lẽ người ấy không tạo ra điều vô phước nào trong cái cảm thọ ấy?”

“Thưa ngài, kẻ trộm ấy cảm nhận cảm thọ khổ đau do việc đã làm của mình. Còn người đàn ông, là người ban cho mạng sống, không tạo ra điều vô phước nào cả.”

“Evameva kho mahārāja bhagavā kāruṇṇena devadattaṃ pabbājesi ‘mama sāsane pabbajitassa dukkhaṃ pariyantakataṃ bhavissatī ”ti. Pariyantakatañca mahārāja devadattassa dukkhaṃ. Devadatto mahārāja maraṇakāle-

*“Imehi aṭṭhīhi tamaggapuggalaṃ
devātidevaṃ naradammaśārathīṃ
samantacakkhuṃ satapuññalakkhaṇaṃ
pāṇehi buddhaṃ saraṇaṃ upemī ”ti.*

Pāṇupetaṃ saraṇamagamāsi. Devadatto mahārāja chakoṭṭhāse kate kappe atikkante paṭhamakoṭṭhāse saṅghaṃ bhindi. Pañcakoṭṭhāse niraye paccitvā tato muccitvā aṭṭhissaro nāma paccekabuddho bhavissati. Api nu kho so mahārāja bhagavā evaṃkāri devadattassa kiccakāri assā ”ti?

“Sabbadado bhante nāgasena tathāgato devadattassa, yaṃ tathāgato devadattaṃ paccekabodhiṃ pāpessati. Kiṃ tathāgatena devadattassa akataṃ nāma atthī ”ti.

“Yaṃ pana mahārāja devadatto saṅghaṃ bhinditvā niraye dukkhaṃ vedanaṃ vediyati, api nu kho mahārāja bhagavā tatonidānaṃ kiñci apuññaṃ āpajjeyyā ”ti?

“Na hi bhante. Attanā katena bhante devadatto kappam niraye paccati. Dukkhaṃ pariyantakārako satthā na kiñci apuññaṃ āpajjati ”ti.

“Imampi kho tvam mahārāja kāraṇaṃ atthato sampañcicca, yena kāraṇena bhagavā devadattaṃ pabbājesi. Aparampi mahārāja uttarīṃ kāraṇaṃ suṇohi, yena kāraṇena bhagavā devadattaṃ pabbājesi. Yathā mahārāja kusalo bhisakko sallakatto vātapitta-semha-sannipāta-utupariṇāma-visamaparihāra-opakkamiko-pakkantaṃ pūti-kuṇapa-dug-gandhābhissannaṃ antosallaṃ susiragataṃ pubbaruhirasampuṇṇaṃ vaṇaṃ vūpasamento vaṇamukhaṃ kakkhalatikhiṇakhārakaṭukena bhesajjena anulimpati paripaccanāya paripaccitvā mudubhāvamupagataṃ satthena vikantayitvā dahati salākāya. Daḍḍhe khāralavaṇaṃ deti bhesajjenānulimpati vaṇarūhaṇāya, vyādhitassa sotthibhāvamanuppattiyā. Api nu kho so mahārāja bhisakko sallakatto ahitacitto bhesajjenānulimpati, satthena vikanteti, dahati salākāya, khāralavaṇaṃ deti ”ti?

“Na hi bhante, hitacitto sotthikāmo tāni kiriyāni karotī ”ti.

“Tâu đại vương, tương tự y như thế đức Thế Tôn vì lòng bi mẫn đã cho Devadatta xuất gia (nghĩ rằng): ‘Đối với người đã được xuất gia trong Giáo Pháp của Ta thì khổ đau sẽ trở thành có giới hạn.’ Tâu đại vương, và khổ đau của Devadatta trở thành có giới hạn. Tâu đại vương, Devadatta vào thời điểm chết, đã đi đến việc nương nhờ khi còn sống (nói rằng):

Với những khúc xương này, với các sanh mạng, tôi đi đến nương nhờ đức Phật, nhân vật cao cả ấy, vị Trời vượt trội các vị Trời, đấng Điều Ngự Trượng Phu, bậc nhìn thấy toàn diện, có đặc điểm của trăm phước báu.

Tâu đại vương, trong kiếp (trái đất) gồm sáu, thì Devadatta đã chia rẽ hội chúng khi giai đoạn thứ nhất đã trôi qua, sau khi bị nung nấu trong năm giai đoạn còn lại rồi từ đó sẽ được giải thoát, và sẽ trở thành vị Độc Giác Phật tên Aṭṭhissara. Tâu đại vương, phải chăng đức Thế Tôn, với hành động như vậy, là có thể hiện trách nhiệm đối với Devadatta?”

“Thưa ngài Nāgasena, đối với Devadatta đức Như Lai là vị ban bố tất cả, là việc đức Như Lai sẽ khiến cho Devadatta đạt được quả vị Độc Giác Phật. Còn có điều gì đã không được làm bởi đức Như Lai đến Devadatta?”

“Tâu đại vương, và lại việc Devadatta sau khi chia rẽ hội chúng rồi cảm thọ khổ đau ở địa ngục, tâu đại vương, phải chăng đức Thế Tôn do nhân ấy có thể tạo ra điều vô phước nào đó?”

“Thưa ngài, không đúng. Thưa ngài, Devadatta bị nung nấu ở địa ngục một kiếp do việc đã làm bởi bản thân. Bậc Đạo Sư, là người đã làm cho khổ đau trở thành có giới hạn, không tạo ra điều vô phước nào.”

“Tâu đại vương, ngài hãy chấp nhận lý do này theo ý nghĩa mà với lý do ấy đức Thế Tôn đã cho Devadatta xuất gia. Tâu đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do này đức Thế Tôn đã cho Devadatta xuất gia. Tâu đại vương, giống như người thầy thuốc phẫu thuật thiện xảo, trong khi làm êm dịu vết thương bị tác động dữ dội bởi gió, mật, đàm đã tụ hội lại, bởi sự thay đổi của thời tiết, bởi sự chăm nom không đều đặn, bị xông lên mùi hôi thối của tử thi ô ứ, có mũi nhọn bên trong tạo thành lỗ hổng, bị ngập đầy máu ứ, đành phải bôi miệng của vết thương bằng loại thuốc sần sùi, xót xa, nhức nhối, đau đớn. Sau khi làm chín muối (vết thương) bằng cách thức làm cho chín muối, rồi mổ vết thương đã được đạt đến trạng thái mềm mỏng bằng dao, sau đó nung nóng với cái thanh đẹp, rồi cho chất sát trùng vào vết thương ở chỗ đã được nung nóng, sau đó bôi thuốc để làm lạnh vết thương nhằm đạt đến trạng thái tốt lành cho người bị bệnh. Tâu đại vương, phải chăng người thầy thuốc phẫu thuật ấy có tâm không tốt nên mới bôi thuốc, mổ ra bằng dao, đốt nóng với cái thanh đẹp, rồi cho chất sát trùng vào vết thương?”

“Thưa ngài, không đúng. Người thầy thuốc có tâm tốt, có lòng mong mọi điều tốt lành, nên mới làm những hành động ấy.”

“Yā panassa bhesajjakiriyākaraṇena uppannā dukkhavedanā, tatonidānaṃ so bhisakko sallakatto kiñci apuññaṃ āpajjeyyā ”ti?

“Hitacitto bhante sotthikāmo bhisakko sallakatto tāni kiriyāni karoti. Kiṃ so tatonidānaṃ apuññaṃ āpajjeyyā? Saggamī so bhante bhisakko sallakatto ”ti.

“Evameva kho mahārāja bhagavā kāruññaena devadattaṃ pabbājesi dukkhaparimuttiyā. Aparampi mahārāja uttariṃ kāraṇaṃ suṇohi, yena kāraṇena bhagavā devadattaṃ pabbājesi. Yathā mahārāja puriso kaṇṭakena viddho assa, athaññataro puriso tassa hitakāmo sotthikāmo tiṇhena kaṇṭakena vā satthamukhena vā samantā¹ chinditvā paggharantena lohiteṇa taṃ kaṇṭakaṃ nīhareyya, api nu kho so mahārāja puriso ahitakāmo taṃ kaṇṭakaṃ nīharatī ”ti?

“Na hi bhante, hitakāmo so bhante puriso sotthikāmo kaṇṭakaṃ² nīharatī. Sace so bhante puriso taṃ kaṇṭakaṃ na nīhareyya, maraṇaṃ vā so tena pāpuṇeyya maraṇamattaṃ vā dukkhaṃ ”ti.

“Evameva kho mahārāja tathāgato kāruññaena devadattaṃ pabbājesi dukkhaparimuttiyā. Sace mahārāja bhagavā devadattaṃ na pabbājeyyā, kappakoṭṭisatasahassampi devadatto bhavaparamparāya niraye pacceyyā ”ti.

“Anusotagāmiṃ bhante nāgasena devadattaṃ panthe paṭipādesi. Papāte patitassa devadattassa paṭiṭṭhaṃ adāsi.³ Visamagataṃ devadattaṃ tathāgato samaṃ āropesi. Ime ca bhante nāgasena hetū imāni ca kāraṇāni na sakkā aññaena dassetuṃ⁴ aññaṭṭra tvādisena buddhimatā ”ti.

Devadattapabbajjāpañho tatiyo.

¹ samantato - Ma.

² taṃ kaṇṭakaṃ - Ma, PTS.

³ anusotagāmiṃ bhante nāgasena devadattaṃ tathāgato paṭisotaṃ pāpesi, vipantha-paṭipannaṃ devadattaṃ panthe paṭipādesi - Ma, PTS.

⁴ sandassetuṃ - Ma.

“Vậy thì các cảm thọ khổ đau nào đã sanh lên do hành động việc làm và thuốc men đối với người ấy, do nhân ấy người thầy thuốc phẫu thuật ấy có tạo ra điều vô phước nào không?”

“Thưa ngài, người thầy thuốc phẫu thuật có tâm tốt, có lòng mong mọi điều tốt lành, nên mới làm những hành động ấy. Làm sao người ấy, do nhân ấy, lại có thể tạo ra điều vô phước? Thưa ngài, người thầy thuốc phẫu thuật ấy là người sanh về cõi trời.”

“Tâu đại vương, tương tự y như thế đức Thế Tôn vì lòng bi mẫn đã cho Devadatta xuất gia nhằm thoát khỏi khổ đau. Tâu đại vương, hãy lắng nghe thêm lý do khác nữa mà với lý do này đức Thế Tôn đã cho Devadatta xuất gia. Tâu đại vương, giống như một người nam bị đâm bởi cây gai, rồi một người nam khác có tâm tốt, có lòng mong mọi điều tốt lành, mới cắt xung quanh (vết thương) bằng cây gai nhọn hoặc bằng mũi dao, rồi lấy cây gai ấy ra nhờ vào lượng máu đang bị phun ra, tâu đại vương, phải chăng người nam ấy có tâm không tốt nên mới lấy cây gai ấy ra?”

“Thưa ngài, không đúng. Người nam ấy có tâm tốt, có lòng mong mọi điều tốt lành, nên mới lấy cây gai ấy ra. Thưa ngài, nếu người nam ấy không lấy cây gai ấy ra, do điều ấy người kia có thể gánh chịu sự chết hoặc khổ đau gần như chết.”

“Tâu đại vương, tương tự y như thế đức Như Lai vì lòng bi mẫn đã cho Devadatta xuất gia nhằm thoát khỏi sự khổ đau. Tâu đại vương, nếu đức Thế Tôn không cho Devadatta xuất gia, thì Devadatta có thể bị nung nấu ở địa ngục liên tiếp nhiều đời sống thậm chí trong trăm ngàn *koṭi* kiếp.”

“Thưa ngài Nāgasena, đức Như Lai đã đưa Devadatta, kẻ có sự bị cuốn trôi theo dòng nước, vào Đạo Lộ; đã ban cho Devadatta, kẻ đã bị rơi vào vực thẳm, chỗ đứng; đã đưa Devadatta, kẻ bước đi ở chỗ gập ghềnh, đến nơi bằng phẳng. Thưa ngài Nāgasena, không thể nhìn nhận những nhân tố này và những lý do này bởi người nào khác ngoại trừ bậc có sự giác ngộ như là ngài vậy.”

Câu hỏi về sự xuất gia của Devadatta là thứ ba.
